

THE MORNING NEWS
BẢN TIN SÁNG 31/01/2023

VNINDEX TIẾP TỤC ĐIỀU CHỈNH

Quốc tế

- Phố Wall có phiên biến động giảm điểm nhẹ trong phiên giao dịch đầu tuần. Chỉ số Dow Jones giảm 260,99 điểm (-0,77%), chỉ số NASDAQ giảm 227,90 điểm (-1,96%) và chỉ số S&P 500 giảm 52,79 điểm (-1,30%). Cổ phiếu của hầu hết các nhóm ngành đều biến động giảm điểm nhẹ cùng xu hướng chung của thị trường.
- Chứng khoán châu Âu có diễn biến trái chiều trong ngày giao dịch đầu tuần. Chỉ số FTSE 100 (Anh) tăng 19,72 điểm (+0,25%), CAC 40 (Pháp) giảm 15,20 điểm (-0,21%). Trong khi đó, thị trường chứng khoán tại các nước Đông Nam Á hầu hết giảm điểm nhẹ trong phiên giao dịch.
- Giá dầu WTI và Brent giảm lần lượt là 2,23% và 2,03% trong phiên giao dịch đầu tuần. Bên cạnh đó giá một số vật liệu cơ bản như gas, sữa, vàng giảm điểm nhẹ.
- Ngân hàng Trung ương Châu Âu(ECB) dự kiến sẽ tăng 50 điểm lãi suất tại cuộc họp ngày 02/02 .
- Trong tháng 1/2023, lượng dầu hướng dương nhập khẩu của Ấn Độ tăng lên mức kỷ lục 473.000 tấn.

Trong nước

- Vnindex có phiên giao dịch điều chỉnh giảm điểm trong phiên giao dịch đầu tuần, áp lực bán đã đẩy chỉ số Vnindex giảm điểm khi gần về cuối phiên. Kết thúc phiên, Vnindex giảm 14,53 điểm, đóng cửa tại 1.102,57 điểm, giá trị giao dịch tăng nhẹ so với phiên trước đó.
- Hầu hết các nhóm ngành đều có diễn biến tiêu cực so với phiên trước đó, cổ phiếu một số nhóm ngành giảm điểm gây chú ý trong phiên giao dịch như tài chính, dầu khí. Trong đó, nhiều mã ghi nhận sự chú ý của nhà đầu tư như SHB, PVS, BSR.
- Nhà đầu tư nước ngoài mua ròng mạnh với giá trị hơn 745,53 tỷ, tập trung mua các cổ phiếu như FUEVFNVD, HPG, SSI. Bên cạnh đó, tự doanh tham gia bán ròng với 375 tỷ đồng.
- Theo Tổng cục Thống kê, khách quốc tế đến Việt Nam tháng 1/2023 đạt 871.2 nghìn lượt người, tăng 23,2% so với tháng trước.
- Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, thu hút FDI năm 2023 của Việt Nam dự báo đạt từ 36-38 tỷ USD.

Doanh nghiệp

- POT:** CTCP Thiết bị Bưu điện công bố BCTC quý 4/2022, lợi nhuận sau thuế năm 2022 đạt gần 15,2 tỷ đồng, tăng gần 14,63% so với cùng kỳ.
- DBC:** CTCP Tập đoàn Dabaco công bố BCTC quý 4/2022, lợi nhuận sau thuế cả năm công ty đạt 150 tỷ đồng, giảm gần 82% so với cùng kỳ.
- CLM:** CTCP Xuất nhập khẩu Than ghi nhận lợi nhuận sau thuế 337 tỷ đồng năm 2022, gấp 11 lần so với cùng kỳ năm 2021.
- TAR:** Năm 2022, CTCP Nông nghiệp công nghệ cao Trung An lãi sau thuế 70 tỷ đồng, giảm 27.5% so với năm 2021.
- HBC:** CTCP Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình xin gia hạn nộp báo cáo tài chính đến ngày 10/02/2023.
- DHB:** CTCP Phân đạm và hóa chất Hà Bắc báo lãi gần 1.800 tỷ đồng, gấp 287 lần so với số lãi hơn 6 tỷ đồng đạt được năm 2021.
- VIP:** CTCP Vận tải Xăng dầu VIPCO công bố báo cáo tài chính, báo lãi sau thuế năm 2022 đạt 246,7 tỷ đồng.
- PPP:** CTCP Dược phẩm Phong Phú báo cáo lãi ròng hơn 20,6 tỷ đồng năm 2022.
- CTX:** Ba cổ đông đăng ký bán gần 12 triệu cổ phiếu Tổng CTCP Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam.
- GDT:** CTCP Chế biến Gỗ Đức Thành báo lãi trước thuế năm 2022 đạt 86 tỷ đồng, hoàn thành 73% kế hoạch.

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

CHỈ SỐ	31/01/2023	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% YTD
VN INDEX	1.102,57	-1,30%	3,36%	9,48%	9,48%
HNX30 INDEX	378,63	-0,06%	6,92%	14,36%	14,36%
VN30 INDEX	1.113,95	-1,48%	3,55%	10,82%	10,82%
S&P 500	4.017,77	-1,30%	-0,05%	4,64%	4,64%
Dow Jones	33.717,09	-0,77%	0,26%	1,72%	1,72%
Nasdaq	11.393,81	-1,96%	0,26%	8,86%	8,86%
Shanghai Composite	3.269,32	0,14%	1,29%	5,83%	5,83%
Nikkei 225	27.423,00	-0,04%	0,45%	5,09%	5,09%
Thailand SET	1.681,22	0,00%	-0,17%	0,75%	0,75%
Malaysia	1.499,39	0,12%	-0,06%	0,26%	0,26%
Philippine	6.970,97	-1,15%	-1,40%	6,16%	6,16%
Indonesia JCI	6.872,48	-0,38%	-0,04%	0,32%	0,32%
FTSE 100	7.784,87	0,25%	0,00%	4,47%	4,47%
DAX	15.126,08	-0,16%	0,15%	8,64%	8,64%
CAC 40	7.082,01	-0,21%	0,71%	9,40%	9,40%

Nguồn: Bloomberg, VietinBank Securities

TOP CỔ PHIẾU TĂNG – GIẢM GIÁ

Top 10 CP tăng nhiều nhất trong ngày

Mã CK	Giá đóng cửa	Tổng khối lượng (CP)	Thay đổi
BCE	6.420	163.300	7,00%
SC5	21.400	1.300	7,00%
HU1	7.490	100	7,00%
ITA	4.740	3.726.600	7,00%
TNC	52.000	100	7,00%
TLD	3.520	573.900	6,99%
APH	7.960	3.276.200	6,99%
FCM	4.290	158.400	6,98%
PDN	145.600	1.500	6,98%
ACG	43.000	33.900	6,97%

HNX: Top 10 CP tăng nhiều nhất trong ngày

Mã CK	Giá đóng cửa	Tổng khối lượng (CP)	Thay đổi
CTT	15.400	200	10,00%
PCG	6.600	35.300	10,00%
TVC	5.500	829.340	10,00%
VLA	63.800	100	10,00%
PPY	8.800	5.800	10,00%
CLM	70.600	3.811	9,97%
TSB	38.800	39.865	9,92%
MDC	10.100	8.680	9,78%
THT	12.400	85.618	9,73%
TDN	10.200	57.306	9,68%

HSX: Top 10 CP giảm nhiều nhất trong ngày

Mã CK	Giá đóng cửa	Tổng khối lượng (CP)	Thay đổi
PAC	31.500	21.500	-6,94%
CVT	36.950	6.200	-6,93%
HOT	24.300	500	-6,72%
EMC	11.750	3.500	-6,37%
BTT	31.700	100	-6,35%
SCD	16.700	6.200	-6,18%
VNL	20.000	25.000	-5,44%
TLG	55.000	156.600	-5,17%
GTA	11.650	7.000	-4,90%
TCO	8.600	33.400	-4,34%

HNX: Top 10 CP giảm nhiều nhất trong ngày

Mã CK	Giá đóng cửa	Tổng khối lượng (CP)	Thay đổi
VHL	22.500	600	-10,00%
VCC	13.800	9.000	-9,80%
PSE	12.400	43.100	-9,49%
SGC	78.000	100	-9,30%
KKC	8.000	1.700	-9,09%
CX8	5.500	600	-8,33%
DC2	5.200	7.190	-7,14%
VTH	7.700	100	-6,10%
UNI	9.800	800	-5,77%
CMC	5.000	300	-5,66%

GIAO DỊCH CỦA KHỐI NGOẠI

HSX: TOP 10 CP NĐTNN mua và bán ròng nhiều nhất trong ngày (Tr.VND)

TT	Mã CK	GT Mua ròng	Mã CK2	GT Bán ròng
1	FUEVFN	278.878	DGC	34.332
2	HPG	248.422	KDC	24.108
3	SSI	71.141	VNM	22.576
4	VND	49.515	VCB	21.835
5	HDB	46.680	BMP	18.157
6	HCM	24.950	VHM	14.226
7	POW	24.646	PTB	12.976
8	FRT	24.403	VGC	9.135
9	VIC	16.168	NT2	8.214
10	BWE	14.828	HAH	7.938

HNX: TOP 10 CP NĐTNN mua và bán ròng nhiều nhất trong ngày (Tr.VND)

TT	Mã CK	GT Mua ròng	Mã CK2	GT Bán ròng
1	IDC	20.124	MBS	319
2	PLC	1.586	LHC	172
3	PVS	1.518	PVB	136
4	SHS	1.463	INN	115
5	CEO	981	THD	101
6	GMX	642	DXP	82
7	HUT	400	HAD	43
8	TNG	267	PMB	32
9	PCG	208	BTS	23
10	CDN	127	DHT	19

Nguồn: Fiinpro, VietinBank Securities

CẬP NHẬT THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

Mặt hàng	Đơn vị	31/01/2023	%Ngày	% 5 ngày	%Tháng	%YTD
Oil WTI	USD/bbl.	77,90	-2,23%	-2,51%	-2,67%	-2,67%
Oil Brent	USD/bbl.	84,90	-2,03%	-3,73%	-1,18%	-1,18%
Thép thanh	CNY/MT	4.234,00	-	2,68%	3,06%	3,06%
Nhôm	USD/MT	2.559,00	-1,48%	-2,08%	8,92%	8,92%
Đồng	USd/lb.	420,20	-0,49%	-1,49%	9,83%	9,83%
Than	USD/MT	265,35	-25,90%	-26,29%	-34,34%	-34,34%
Đường	USd/lb.	21,21	1,19%	7,66%	5,84%	5,84%
Ngô	USd/bu.	683,75	0,11%	0,85%	0,63%	0,63%
Gas	USD/MMBtu	2,68	-13,90%	-17,68%	-40,07%	-40,07%
Sữa	USD/cwt	19,45	-0,15%	-0,15%	-4,98%	-4,98%
Vàng	USD/t oz.	1.939,20	-0,33%	-0,69%	5,24%	5,24%
Bạc	USD/t oz.	23,73	0,47%	-0,23%	-1,44%	-1,44%
Lúa Mỳ	USd/bu.	752,50	0,33%	2,38%	-5,05%	-5,05%
Thịt lợn	USd/lb.	75,15	-0,96%	-3,13%	-14,31%	-14,31%
Thép cuộn TQ	CNY/MT	4.279,00	-	2,00%	3,18%	3,18%

THÔNG BÁO MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Nội dung bản tin này do Công ty cổ phần chứng khoán Công thương (VietinBank Securities) cung cấp, chỉ mang tính chất tham khảo. Mặc dù mọi thông tin đều được thu thập từ những nguồn, tờ báo đáng tin cậy, nhưng VietinBank Securities không đảm bảo được tuyệt đối được độ chính xác của thông tin hay bất kỳ vấn đề nào liên quan đến việc sử dụng bản tin này.

Các ý kiến tổng hợp, dự báo chỉ thể hiện quan điểm của tác giả tại thời điểm phát hành, báo cáo chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin tham khảo chứ không mang tính chất mời chào, mua bán, nắm giữ bất cứ cổ phiếu nào. Báo cáo này là tài sản của Công ty cổ phần chứng khoán Công thương (VietinBank Securities).

Không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như phân phối báo cáo này vì bất cứ mục đích cá nhân hay thương mại nào nếu không có sự đồng ý của VietinBank Securities.

Xin vui lòng ghi rõ nguồn khi trích dẫn các thông tin trong báo cáo này!